

Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu



**THỎA THUẬN
MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN¹**

Số: [.....]²

Xét rằng Khách hàng³:..... có nhu cầu mở, sử dụng Tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu (GPBank) – Chi nhánh/PGD trung tâm/PGD:; theo đó Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu – Chi nhánh/PGD trung tâm/PGD:..... có đủ khả năng cung ứng dịch vụ theo nhu cầu của khách hàng.

Hôm nay, ngày.....tại Trụ sở Chi nhánh/PGD trung tâm/PGD:.....Quận/Huyện.....Tỉnh/Thành phố.....

Bên A : Bên mở và Sử dụng tài khoản thanh toán (Sau đây gọi là “Bên A”)

Tổ chức mở :
tài khoản
thanh toán⁴

Địa chỉ giao :
dịch

Điện thoại :

Mã số thuế :

Người đại :
diện⁵

Chức vụ :

Giấy tờ tùy : Số.....Ngày cấp.....Nơi cấp
thân⁶Ngày hết hạn:

¹Áp dụng đối với Khách hàng tổ chức mở TK thanh toán hoặc các khách hàng tổ chức mở TK thanh toán chung.

²Số Thỏa thuận do CN/PGD tạo cho từng khách hàng theo thứ tự các Thỏa thuận đã phát sinh tại CN/PGD; Cụ thể: Ký tự đầu là mã CN/PGD (theo quy định hiện hành của GPBank, hiện tại là Quy định số 55/2024/QĐ-TGD ngày 26/01/2024 về việc ban hành Quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản trong hệ thống GPBank), các ký tự tiếp theo là số ID của Khách hàng và 02 ký tự cuối là số thứ tự Thỏa thuận phát sinh..

³Tên Chủ TK là tên tổ chức yêu cầu mở và sử dụng tài khoản thanh toán/ hoặc tên các tổ chức yêu cầu mở và sử dụng TKTT chung.

⁴Tổ chức mở tài khoản thanh toán: (i) Trường hợp tổ chức yêu cầu mở tài khoản thanh toán: Ghi tên tổ chức; (ii) Trường hợp tài khoản thanh toán chung: ghi tên của các chủ tài khoản thanh toán chung. Đơn vị chủ động bổ sung đồng để đảm bảo tất cả các chủ thể tham gia tài khoản thanh toán chung khai báo đầy đủ thông tin.

⁵Người đại diện: (i) Trường hợp tổ chức yêu cầu mở tài khoản thanh toán: ghi tên người đại diện hợp pháp của tổ chức; (ii) Trường hợp TK chung: ghi tên các người đại diện hợp pháp của các tổ chức mở TK chung.

⁶Giấy tờ tùy thân: (a) Trường hợp cá nhân là công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân, Thẻ căn cước hoặc Căn cước điện tử (thông qua việc truy cập vào tài khoản định danh điện tử mức độ 02) hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Giấy khai sinh đối với người dưới 14 tuổi; (b) Trường hợp cá nhân là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch: Giấy chứng nhận căn cước; (c) Trường hợp cá nhân là người nước ngoài: (i) Hộ chiếu, đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam phải có thêm thị thực nhập cảnh hoặc giấy tờ có giá trị thay thị thực hoặc giấy tờ chứng minh được miễn thị thực nhập cảnh; hoặc Danh tính điện tử (thông qua việc truy cập vào tài khoản định danh điện tử mức độ 02).

Theo ủy : Số.....ngày.....
quyền

Bên B : **Bên nhận mở tài khoản thanh toán – Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu (GPBank) (Sau đây gọi là “Bên B”)**

Địa chỉ

Điện thoại : Fax.....

Người đại diện :

Chức vụ :

Giấy tờ tùy thân : Số.....Ngày cấp.../...../...Nơi cấp

:Ngày hết hạn...../...../.....
Theo giấy ủy quyền Số.....ngày.../...../.....

(Trong Thỏa thuận này, Bên A và Bên B được gọi chung là “**Các Bên**” và gọi riêng là một “**Bên**”)

Các Bên cùng nhau thống nhất ký kết Thỏa thuận mở và sử dụng tài khoản thanh toán của Bên A tại hệ thống giao dịch của Bên B theo các thỏa thuận sau:

Điều 1. Nội dung mở tài khoản thanh toán

- 1.1. Bên A đề nghị Bên B mở tài khoản thanh toán và cung cấp dịch vụ theo các thông tin Bên A đăng ký trong Giấy đề nghị mở tài khoản thanh toán ngày [...] tháng [...] năm [...] và hồ sơ mở TK của Bên A theo quy định.
- 1.2. Bên B đồng ý mở tài khoản thanh toán cho Bên A và cung cấp số hiệu tài khoản thanh toán, ngày bắt đầu hoạt động của tài khoản thanh toán trong Giấy đề nghị mở tài khoản thanh toán đã có xác thực chấp thuận của Bên B.
- 1.3. Số hiệu tài khoản thanh toán của Bên A:.....
- 1.4. Tên tài khoản thanh toán:.....
- 1.5. Ngày bắt đầu hoạt động của tài khoản thanh toán:
 Là ngày có hiệu lực của tài khoản thanh toán của Bên A;
 Theo thỏa thuận bằng văn bản giữa Bên A và Bên B.

Điều 2. Lãi suất

Bên A được hưởng lãi suất trên số dư Có được tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn áp dụng cho tài khoản thanh toán. Mức lãi suất do Bên B ấn định và niêm yết công khai phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 3: Phí

Phí quản lý tài khoản thanh toán, phí giao dịch tài khoản thanh toán và các khoản phí liên quan khác theo biểu phí do GPBank công bố và niêm yết công khai trong từng thời kỳ hoặc theo các thỏa thuận của Bên A với Bên B.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

4.1. Quyền của Bên A

- a. Sử dụng số tiền trên tài khoản thanh toán của mình để thực hiện các lệnh thanh toán hợp pháp, hợp lệ;

- b. Lựa chọn và thỏa thuận sử dụng các phương tiện thanh toán, dịch vụ và tiện ích thanh toán do Bên B cung ứng;
- c. Ủy quyền trong sử dụng tài khoản thanh toán theo quy định của pháp luật và của Bên B;
- d. Yêu cầu Bên B thực hiện các lệnh thanh toán hợp pháp, hợp lệ và được cung cấp thông tin về số dư và các giao dịch phát sinh trên tài khoản thanh toán của mình theo thỏa thuận với Bên B;
- e. Yêu cầu Bên B phong tỏa, chấm dứt phong tỏa theo thỏa thuận giữa Bên A và Bên B, đóng tài khoản thanh toán đã mở; được gửi thông báo cho Bên B về việc phát sinh tranh chấp về tài khoản thanh toán chung giữa các chủ tài khoản thanh toán chung;
- f. Yêu cầu Bên B hướng dẫn quản lý, sử dụng tài khoản thanh toán an toàn và giải đáp, xử lý các thắc mắc, khiếu nại trong quá trình mở và sử dụng tài khoản thanh toán theo thỏa thuận với Bên B;
- g. Các quyền khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa Bên A với Bên B không trái với quy định của pháp luật hiện hành.

4.2. Nghĩa vụ của Bên A

- a. Đảm bảo có đủ tiền trên tài khoản thanh toán để thực hiện các lệnh thanh toán đã lập. Trường hợp có thỏa thuận thấu chi với bên B thì phải thực hiện các nghĩa vụ liên quan khi chi trả vượt quá số dư Có trên tài khoản thanh toán;
- b. Chấp hành các quy định về mở và sử dụng tài khoản thanh toán của Bên B;
- c. Kịp thời thông báo cho Bên B khi phát hiện thấy có sai sót, nhầm lẫn trên tài khoản thanh toán của mình hoặc nghi ngờ tài khoản thanh toán của mình bị lợi dụng;
- d. Hoàn trả hoặc phối hợp với Bên B hoàn trả các khoản tiền do sai sót, nhầm lẫn đã ghi Có vào tài khoản thanh toán của mình;
- e. Cung cấp đầy đủ, chính xác và cập nhật kịp thời cho Bên B những thông tin trong hồ sơ tài khoản thanh toán, các thông tin bổ sung theo yêu cầu của Bên B theo thỏa thuận; chịu trách nhiệm về những rủi ro phát sinh trong trường hợp cung cấp, cập nhật thông tin không đầy đủ, chính xác, kịp thời và những thiệt hại do sai sót của mình gây ra;
- f. Bên A chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin chứng từ thanh toán mà Bên A đã cung cấp cho Bên B;
- g. Duy trì số dư tối thiểu trên tài khoản thanh toán theo quy định của Bên B công bố công khai trong từng thời kỳ và chịu các khoản phí khi thực hiện giao dịch trên tài khoản thanh toán qua hệ thống của Bên B theo quy định của Bên B trong từng thời kỳ (nếu có) hoặc theo thỏa thuận bằng văn bản với Bên B và quy định hiện hành của pháp luật;
- h. Không thực hiện những hành vi bị cấm về mở và sử dụng tài khoản thanh toán quy định tại Điều 8 Nghị định số 52/2024/NĐ-CP;
- i. Tự quản lý chữ ký, con dấu (nếu có) đã đăng ký mẫu với Bên B và chịu trách nhiệm trong trường hợp chữ ký, con dấu bị lạm dụng (kể cả trường hợp (i) sử dụng con dấu thật nhưng chữ ký bị giả mạo; (ii) chữ ký là thật nhưng con dấu bị giả mạo) dẫn đến việc tiền trong tài khoản thanh toán của mình bị tổn thất hoặc tài khoản thanh toán của mình bị lợi dụng cho các giao dịch không hợp pháp hoặc có phát sinh tranh chấp với bên thứ ba;
- j. Không được cho thuê, cho mượn tài khoản thanh toán của mình;
- k. Tuân thủ các quy định của pháp luật và của Bên B về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, cấm vận, đạo luật Fatca và các quy định khác có liên quan. Không được sử dụng tài khoản thanh toán để thực hiện cho các giao dịch nhằm mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, lừa đảo, gian lận hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác.
- l. Chịu trách nhiệm bảo vệ các bí mật thông tin tài khoản, giao dịch của cá nhân do mình quản lý để đảm bảo an toàn, bảo mật trong giao dịch thanh toán.

- m.** Chủ động truy cập trang thông tin điện tử/Fanpage của GPBank để cập nhật các tuyên truyền, cảnh báo, hướng dẫn về phương thức thủ đoạn tội phạm trong mở và sử dụng TKTT; Hướng dẫn việc bảo mật thông tin dữ liệu và sử dụng TKTT an toàn.
- n.** Nếu Bên A đề nghị hủy bỏ một yêu cầu giao dịch đã được bên A thực hiện thì Bên B có quyền quyết định trong phạm vi có thể theo các quy định, thông lệ của hệ thống ngân hàng để nỗ lực hỗ trợ Bên A. Bên A đồng ý rằng Bên A sẽ chịu mọi trách nhiệm ngay cả trong trường hợp người hưởng đã nhận tiền và Bên A chịu mọi chi phí phát sinh nếu có.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

5.1. Quyền của Bên B

- a.** Bên B được chủ động trích Nợ (ghi Nợ) tài khoản thanh toán của Bên A trong trường hợp:
 - (i) Theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền trong việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định thi hành án, quyết định thu thuế hoặc các nghĩa vụ thanh toán khác theo quy định của pháp luật và thông báo cho Bên A biết;
 - (ii) Để điều chỉnh các khoản mục bị hạch toán sai, hạch toán không đúng bản chất hoặc không phù hợp với nội dung sử dụng của tài khoản thanh toán theo quy định của pháp luật và thông báo cho Bên A biết;
 - (iii) Khi phát hiện đã ghi Có nhầm vào tài khoản thanh toán của Bên A hoặc theo yêu cầu hủy lệnh chuyển Có của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán chuyển tiền do tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán chuyển tiền phát hiện thấy có sai sót so với lệnh thanh toán của người chuyển tiền đã lập; việc trích Nợ tài khoản thanh toán phải thông báo cho Bên A biết;
 - (iv) Để Bên A chi trả các khoản thanh toán thường xuyên, định kỳ hoặc Bên B thu các khoản nợ đến hạn, quá hạn, lãi và các chi phí phát sinh. Bên B thông báo việc trích Nợ tài khoản thanh toán cho Bên A biết thông qua tin nhắn SMS gửi đến số điện thoại mà Bên A đã đăng ký dịch vụ nhận thông báo biến động số dư tài khoản tại Bên B hoặc thông báo trên sao kê tài khoản thanh toán của Bên A trong trường hợp Bên A không đăng ký sử dụng dịch vụ SMS.
- b.** Từ chối thực hiện lệnh thanh toán của Bên A trong trường hợp:
 - (i) Lệnh thanh toán không hợp pháp, hợp lệ;
 - (ii) Bên A không thực hiện đầy đủ các yêu cầu về thủ tục thanh toán hoặc yếu tố trên lệnh thanh toán không khớp đúng với các yếu tố đã đăng ký trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán hoặc lệnh thanh toán không phù hợp với các thỏa thuận giữa Bên A với Bên B;
 - (iii) Tài khoản thanh toán không có đủ số dư để thực hiện lệnh thanh toán hoặc vượt hạn mức thấu chi;
 - (iv) Tài khoản thanh toán bị đóng hoặc phong tỏa toàn bộ;
 - (v) Khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật;
 - (vi) Bên A vi phạm các hành vi bị cấm theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 52/2024/NĐ-CP;
 - (vii) Bên A từ chối cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ về nhận biết khách hàng theo yêu cầu của Bên B hoặc khi có nghi ngờ về tính trung thực của thông tin và mục đích giao dịch đối với các giao dịch đặc biệt phải giám sát theo quy định của pháp luật phòng, chống rửa tiền;
 - (viii) Trường hợp tài khoản thanh toán có dấu hiệu liên quan đến lừa đảo, gian lận, phục vụ cho mục đích bất hợp pháp theo các tiêu chí của Bên B;
 - (ix) Khi Bên B phát hiện một trong các dấu hiệu nghi ngờ sau: Thông tin trong hồ sơ mở TKTT của Bên A không trùng khớp với thông tin của Bên A trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; TKTT của Bên A nằm trong danh sách được quảng cáo, mua, bán, trao đổi trên các Website, hội nhóm trên không gian mạng; TKTT của Bên A có hơn 03 (ba) giao dịch nhận tiền của các TKTT nằm trong danh sách có dấu hiệu nghi ngờ liên quan đến lừa đảo, gian lận, giả mạo,...; TKTT của Bên A nhận tiền có nội dung lệnh chuyển tiền chứa các ký tự,

thuật ngữ như: chuyển tiền cho Tòa án, Viện kiểm sát, Công an, Thanh tra, giao thông, chuyển tiền phục vụ công tác điều tra,...; TKTT của Bên A thường xuyên được truy cập từ các địa chỉ IP nước ngoài hoặc sử dụng nhiều hơn 02 thiết bị ở các khu vực địa lý khác nhau để truy cập TKTT trong thời gian ngắn (không phù hợp để di chuyển giữa các khu vực địa lý); TKTT của Bên A nhận tiền từ nhiều TKTT khác nhau và được chuyển đi hoặc được rút ra ngay trong thời gian ngắn (không để lại số dư hoặc để lại rất ít); TKTT của Bên A có giá trị, số lượng giao dịch lớn, bất thường không phù hợp với nghề nghiệp, độ tuổi, địa chỉ cư trú, lịch sử giao dịch và hành vi của Bên A; Bên A thuộc danh sách cảnh báo của NHNN, Cơ quan công an hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác; Bên A có từ 02 TKTT trở lên đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử sử dụng cùng một số điện thoại di động (nhận SMS OTP, SMS banking,...); và các dấu hiệu khác. Trong các trường hợp có dấu hiệu nghi ngờ trên, Bên B được quyền từ chối thực hiện giao dịch hoặc tạm dừng cung cấp dịch vụ, đồng thời, thực hiện các biện pháp xác thực, xác minh lại Bên A.

- (x) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- c. Từ chối yêu cầu đóng, phong tỏa tài khoản thanh toán của Bên A trong trường hợp Bên A chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo quyết định cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền hoặc chưa thanh toán xong các khoản nợ phải trả cho Bên B.
- d. Bên B được chủ động phong tỏa TKTT của Bên A khi Bên B phát hiện Bên A có dấu hiệu nghi ngờ gian lận, giả mạo, lừa đảo hoặc Bên B nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán về việc Bên A có dấu hiệu nghi ngờ gian lận, giả mạo, lừa đảo.
- e. Quy định về số dư tối thiểu, phạm vi sử dụng, cách thức sử dụng, hạn mức giao dịch trên tài khoản thanh toán và thông báo công khai, hướng dẫn cụ thể để Bên A biết.
- f. Quy định các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán phù hợp các quy định của pháp luật.
- g. Bên B không chịu trách nhiệm về tranh chấp do các thông tin thay đổi khác với thông tin lưu trên hệ thống thông tin của Bên B mà bên A không thông báo bằng văn bản cho Bên B.
- h. Bên B không chịu trách nhiệm về việc Bên A cung cấp thông tin của Bên A cho người lạ hoặc bên thứ ba qua mạng, qua điện thoại kể cả người tự xưng là công an, cơ quan điều tra, nhân viên ngân hàng,... để bị kẻ gian lấy cắp thông tin và sử dụng trái phép để chiếm đoạt tài sản.
- i. Các quyền khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận bằng văn bản giữa Bên A với Bên B không trái với quy định của pháp luật hiện hành.

5.2. Nghĩa vụ của Bên B

- a. Thực hiện lệnh thanh toán của Bên A sau khi đã kiểm tra, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ của lệnh thanh toán.
- b. Lưu giữ và cập nhật đầy đủ các mẫu chữ ký, mẫu dấu (nếu có) của Bên A đã đăng ký để kiểm tra, đối chiếu trong quá trình sử dụng tài khoản thanh toán.
- c. Kịp thời ghi Có vào tài khoản thanh toán của Bên A các lệnh thanh toán chuyển tiền đến, nộp tiền mặt vào tài khoản thanh toán; hoàn trả các khoản tiền do sai sót đã ghi Nợ đối với tài khoản thanh toán của Bên A; phối hợp hoàn trả các khoản tiền đã được xác định chuyển nhầm vào tài khoản thanh toán của Bên A theo đề nghị của ngân hàng phục vụ chuyển tiền do sai sót so với lệnh thanh toán của người chuyển tiền đã lập.
- d. Thông tin đầy đủ, kịp thời cho Bên A về số dư, các giao dịch, chứng từ của các giao dịch phát sinh trên tài khoản thanh toán và việc phong tỏa tài khoản thanh toán bằng văn bản hoặc theo các hình thức đã quy định tại thỏa thuận mở, sử dụng tài khoản thanh toán và chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với những thông tin mà mình cung cấp.

- e. Cập nhật thông tin khách hàng định kỳ hoặc khi khách hàng thông báo thay đổi thông tin trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán và kịp thời cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng khi xác định khách hàng có mức độ rủi ro cao theo các tiêu chí do Bên B ban hành. Bảo quản lưu trữ hồ sơ mở tài khoản thanh toán và các chứng từ giao dịch qua tài khoản thanh toán theo đúng quy định của pháp luật.
- f. Bảo mật các thông tin, dữ liệu cá nhân của Bên A hoặc dữ liệu cá nhân do Bên A cung cấp, các thông tin liên quan đến tài khoản thanh toán và các giao dịch trên tài khoản thanh toán của Bên A theo quy định của pháp luật.
- g. Chịu trách nhiệm về những thiệt hại phát sinh trong trường hợp:
 - (i) Thiệt hại do sai sót hoặc do lỗi của Bên B bao gồm việc không tuân thủ đúng quy định pháp luật về an toàn, bảo mật trong cung cấp dịch vụ;
 - (ii) Thiệt hại do Bên B không thực hiện đúng yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về xử lý các trường hợp liên quan đến gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật;
 - (iii) Thiệt hại do Bên B không áp dụng biện pháp xử lý theo quy định nội bộ về quản lý rủi ro trong mở và sử dụng tài khoản thanh toán khi nhận được văn bản thông báo của cơ quan có thẩm quyền về việc khách hàng, tài khoản thanh toán của Bên B liên quan đến gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật;
- h. Tuân thủ quy định pháp luật phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và đạo luật FATCA và không thực hiện những hành vi bị cấm trong mở, sử dụng tài khoản thanh toán quy định tại Điều 8 Nghị định số 52/2024/NĐ-CP;
- i. Hướng dẫn Bên A sử dụng tài khoản thanh toán an toàn, thông báo, giải thích cho Bên A về hành vi bị cấm trong mở, sử dụng tài khoản thanh toán và giải đáp, xử lý kịp thời thắc mắc, khiếu nại của Bên A trong mở và sử dụng tài khoản thanh toán theo quy định và thỏa thuận giữa chủ tài khoản thanh toán với Bên B;
- j. Hướng dẫn, thông báo công khai để Bên A biết và thực hiện về quy định mở và sử dụng tài khoản thanh toán.

Điều 6: Cung cấp, nhận thông tin

- 6.1. Bên B cung cấp giấy báo Nợ, báo Có, thông tin giao dịch tài khoản thanh toán, sao kê giao dịch tài khoản thanh toán, Sổ chi tiết tài khoản thanh toán định kỳ... cho Bên A tại Điểm giao dịch của Bên B.
- 6.2. Bên A cũng có thể nhận Sổ chi tiết tài khoản thanh toán theo đăng ký với Bên B tại Thỏa thuận mở và sử dụng tài khoản thanh toán. Bên A có thể yêu cầu Bên B cung cấp Sổ chi tiết tài khoản thanh toán đột xuất và thanh toán phí theo biểu phí của bên B.
- 6.3. Bên B thông báo cho Bên A về việc không thực hiện lệnh thanh toán của Bên A và lý do không thực hiện trong trường hợp Tài khoản thanh toán của Bên A đang bị phong tỏa toàn bộ/một phần số dư do yêu cầu phong tỏa từ Bên A hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- 6.4. Bên B thông báo cho Bên A thời điểm hết hạn hiệu lực, thời hạn sử dụng của giấy tờ tùy thân (tối thiểu 30 ngày trước ngày hết hạn của giấy tờ tùy thân) và thông báo các thông tin cần thiết khác trong quá trình sử dụng tài khoản thanh toán. Bên B thông báo cho Bên A bằng một hoặc kết hợp nhiều phương thức thông báo sau: Văn bản, email/tin nhắn, điện thoại. Bên B tạm dừng giao dịch thanh toán, rút tiền trên tài khoản thanh toán đối với các trường hợp giấy tờ tùy thân của Bên A hết hiệu lực hoặc hết thời hạn sử dụng.
- 6.5. Bên B có quyền từ chối thực hiện lệnh thanh toán của chủ tài khoản thanh toán khi lệnh thanh toán không hợp lệ hoặc có cơ sở pháp lý để xác định chủ tài khoản vi phạm các hành vi bị cấm theo quy định hoặc khi tài khoản thanh toán không đủ tiền trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Trường hợp từ chối thực hiện lệnh thanh toán của Bên A, Bên B phải thông báo

Lý do từ chối cho Bên A.

6.6. Các trường hợp Bên B được cung cấp thông tin bao gồm:

- (i) Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật hoặc được sự chấp thuận của Bên A;
- (ii) Cung cấp thông tin về số dư trên tài khoản thanh toán cho người đại diện, người thừa kế (hoặc người đại diện của người thừa kế) của Bên A khi Bên A chết hoặc bị tuyên bố đã chết.

6.7. Đồng ý cho Bên B lưu trữ dữ liệu sinh trắc học của Bên A để Bên B sử dụng dữ liệu sinh trắc học của Bên A cho các dịch vụ, sản phẩm các lần sau do Bên B cung cấp cho Bên A.

Điều 7. Sử dụng tài khoản thanh toán

7.1. Bên A được sử dụng tài khoản thanh toán để nộp, rút tiền mặt và yêu cầu Bên B thực hiện cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản thanh toán như: cung ứng phương tiện thanh toán, thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thẻ ngân hàng, chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ gia tăng khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

7.2. Việc sử dụng tài khoản thanh toán chung phải thực hiện đúng theo các nội dung tại văn bản thỏa thuận/hợp đồng, phụ lục hợp đồng quản lý và sử dụng tài khoản thanh toán chung giữa các chủ tài khoản của Bên A và phải tuân theo các nguyên tắc sau:

- a.** Các chủ tài khoản thanh toán chung có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với tài khoản thanh toán chung và việc sử dụng tài khoản thanh toán chung phải được sự chấp thuận của tất cả các chủ tài khoản thanh toán. Mỗi chủ tài khoản thanh toán phải chịu trách nhiệm thanh toán cho toàn bộ các nghĩa vụ nợ phát sinh từ việc sử dụng tài khoản thanh toán chung.
- b.** Thông báo liên quan đến việc sử dụng tài khoản thanh toán chung phải được Bên B gửi đến tất cả các chủ tài khoản thanh toán, trừ trường hợp Bên B và các chủ tài khoản thanh toán chung có thỏa thuận khác.
- c.** Từng chủ tài khoản thanh toán chung có thể ủy quyền cho người khác (bao gồm chủ tài khoản thanh toán chung còn lại) thay mặt mình sử dụng tài khoản thanh toán chung nhưng phải được sự đồng ý bằng văn bản của tất cả các chủ tài khoản thanh toán chung còn lại.
- d.** Khi một trong các chủ thể đứng tên mở tài khoản thanh toán chung bị giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật thì quyền sử dụng tài khoản thanh toán và nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng tài khoản thanh toán chung được giải quyết theo quy định của pháp luật.

7.3. Chữ ký của chủ tài khoản thanh toán/Người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản thanh toán, kế toán trưởng/người phụ trách kế toán hoặc những người được ủy quyền (nếu có) và mẫu dấu (nếu có) trên hồ sơ, chứng từ thực hiện giao dịch qua tài khoản thanh toán của Bên A phải đúng với mẫu dấu (nếu có) và mẫu chữ ký của chủ tài khoản thanh toán/Người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản thanh toán, kế toán trưởng/người phụ trách kế toán hoặc những người được ủy quyền (nếu có) đã đăng ký với Bên B nơi Bên A trực tiếp mở tài khoản thanh toán/nơi Bên A thay đổi thông tin chữ ký mới nhất.

7.4. Bên B hướng dẫn Bên A duy trì số dư tối thiểu trên tài khoản thanh toán bằng đồng Việt nam theo quy định của Bên B sau khi Bên B mở tài khoản thanh toán cho Bên A; duy trì số dư tối thiểu bằng ngoại tệ sau khi Bên A phát sinh giao dịch tài chính lần đầu khi sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ.

7.5. Thay đổi thông tin tài khoản thanh toán

Quá trình sử dụng tài khoản thanh toán, nếu Bên A yêu cầu thay đổi nội dung thông tin trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán, Bên B thực hiện:

- a.** Hướng dẫn Bên A lập Hồ sơ thay đổi thông tin tài khoản thanh toán, bao gồm:
 - (i) Giấy đề nghị thay đổi thông tin tài khoản thanh toán theo mẫu quy định của Bên B.
 - (ii) Các giấy tờ (còn thời hạn) liên quan đến sự thay đổi nội dung thông tin trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán của Bên A theo quy định của Bên B.
- b.** Trường hợp Bên A mở nhiều loại tài khoản thanh toán tại bên B, mọi sự thay đổi thông tin trong hồ sơ của bất cứ tài khoản thanh toán nào của Bên A (đang còn hiệu lực sử dụng) sẽ có hiệu lực đối với toàn bộ tài khoản thanh toán còn lại của Bên A tại Bên B trừ trường hợp Bên A có yêu cầu khác.

Điều 8. Ủy quyền trong sử dụng tài khoản thanh toán

8.1. Nguyên tắc chung về ủy quyền

- a.** Bên A được ủy quyền cho người khác sử dụng tài khoản thanh toán của mình.
- b.** Bên A có thể ủy quyền theo một trong hai hình thức ủy quyền sau: (i) Văn bản ủy quyền có xác nhận của cơ quan công chứng; (ii) Văn bản ủy quyền do Chủ tài khoản cùng với người được ủy quyền trực tiếp đến GPBank lập, được cán bộ GPBank chứng kiến và xác nhận.
- c.** Để ủy quyền trong sử dụng tài khoản thanh toán, Bên A phải xuất trình các hồ sơ theo quy định của Bên B.

8.2. Phạm vi ủy quyền sử dụng tài khoản thanh toán

- a.** Người được ủy quyền sử dụng tài khoản thanh toán chỉ được quyền trong phạm vi ủy quyền của người ủy quyền là chủ tài khoản thanh toán Bên A, kế toán trưởng/hoặc người phụ trách kế toán theo quy định tại văn bản này và quy định hiện hành của pháp luật.
- b.** Trong thời gian hiệu lực ủy quyền, Chủ tài khoản thanh toán vẫn có quyền sử dụng tài khoản thanh toán và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động trên tài khoản thanh toán của mình.

8.3. Văn bản ủy quyền sử dụng tài khoản thanh toán gồm những nội dung sau:

- a.** Tên, số, ngày cấp giấy, nơi cấp và ngày hết hạn giấy tờ tùy thân của người ủy quyền của Bên A. Chữ ký của người ủy quyền phải khớp đúng với chữ ký mẫu đã đăng ký tại Bên B.
- b.** Nội dung ủy quyền.
- c.** Căn cứ ủy quyền (nếu có)
- d.** Thời hạn ủy quyền: Nếu văn bản ủy quyền không quy định thời hạn ủy quyền thì văn bản ủy quyền có hiệu lực một (01) năm kể từ ngày xác lập (ký) việc ủy quyền⁷.
- e.** Tên, số, ngày cấp, nơi cấp, và ngày hết hạn giấy tờ tùy thân, chữ ký của người được ủy quyền.
- f.** Xác nhận của Đơn vị xác lập ủy quyền.

8.4. Hiệu lực của văn bản ủy quyền sử dụng tài khoản thanh toán

- a.** Việc ủy quyền sử dụng tài khoản thanh toán chấm dứt trong các trường hợp:
 - (i) Văn bản ủy quyền hết hạn mà không được gia hạn;
 - (ii) Công việc được ủy quyền đã hoàn thành;
 - (iii) Bên ủy quyền, bên được ủy quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng/văn bản ủy quyền sử dụng tài khoản thanh toán theo quy định của pháp luật;
 - (iv) Bên ủy quyền hoặc bên được ủy quyền chết, bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, mất tích hoặc là đã chết.
 - (v) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- b.** Thay đổi/hủy bỏ nội dung ủy quyền:
 Trường hợp muốn thay đổi, hủy bỏ nội dung ủy quyền sử dụng tài khoản thanh toán, chủ tài khoản thanh toán phải lập văn bản ủy quyền mới hoặc thông báo thay đổi, hủy bỏ nội dung

⁷Điều 563 Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015.

ủy quyền theo mẫu quy định của GPBank tại Bên B nơi trực tiếp mở tài khoản thanh toán, trong đó nêu rõ ngày hiệu lực để thay thế hoặc bổ sung, sửa đổi văn bản ủy quyền cũ.

Điều 9. Các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật trong sử dụng tài khoản thanh toán:

- 9.1. Bên B thực hiện xác minh lại Bên A: Khi Bên A có dấu hiệu đáng ngờ theo quy định của Luật phòng chống rửa tiền; Bên B nghi ngờ tính hợp pháp, hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ mở, tài khoản thanh toán của Bên A đã thu thập trước đây; thông tin của Bên A hoặc người đại diện hợp pháp của Bên A có trong Danh sách đen theo quy định của luật phòng, chống rửa tiền, danh sách nghi ngờ gian lận, lừa đảo của Hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý, giám sát và phòng ngừa rủi ro gian lận trong hoạt động thanh toán của NHNN hoặc danh sách khách hàng liên quan nghi ngờ gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật đã được Bộ Công an và cơ quan chức năng khác cung cấp (nếu có); thông tin của Bên A sai lệch, không phù hợp với thông tin, dữ liệu của cơ quan có thẩm quyền;
- 9.2. Bên B theo dõi thời hạn Giấy tờ tùy thân của Bên A và của những người liên quan trong quá trình sử dụng tài khoản thanh toán; Bên B thông báo cho Bên A tối thiểu 30 ngày trước ngày hết hạn hiệu lực của giấy tờ tùy thân để Bên A kịp thời cập nhật, bổ sung thông tin; Bên B tạm dừng giao dịch thanh toán, rút tiền trên tài khoản thanh toán của Bên A đối với các trường hợp giấy tờ tùy thân của Bên A hết hiệu lực hoặc hết thời hạn sử dụng.
- 9.3. Bên B thường xuyên cảnh báo, hướng dẫn về các phương thức thủ đoạn tội phạm trong mở và sử dụng tài khoản thanh toán trên trang web, email,...
- 9.4. Trường hợp Bên B phát hiện, nhận diện TKTT của Bên A có các dấu hiệu nghi ngờ gian lận theo Bộ tiêu chí, Bên B sẽ thực hiện phong tỏa TKTT của Bên A: TKTT của Bên A nằm trong danh sách quảng cáo, mua bán, trao đổi trên các website, hội nhóm trên không gian mạng; TKTT của Bên A có hơn 03 giao dịch nhận tiền từ các TKTT nằm trong danh sách có dấu hiệu liên quan đến lừa đảo, gian lận, giả mạo,...; TKTT của Bên A nhận tiền có nội dung chuyển tiền chứa các ký tự, thuật ngữ như: Chuyển tiền cho Tòa án, Viện kiểm soát, Công an, Thanh tra, giao thông, chuyển tiền phục vụ điều tra,...; Bên A thuộc danh sách cảnh báo của NHNN, Cơ quan công an hoặc các cơ quan khác;...; Bên B chỉ thực hiện giải tỏa TKTT của Bên A khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền.
- 9.5. Bên A không cung cấp thông tin của Bên A cho người lạ hoặc bên thứ ba qua mạng, qua điện thoại kể cả người tự xưng là công an, cơ quan điều tra, nhân viên ngân hàng,... để tránh bị kẻ gian lấy cắp thông tin cá nhân và sử dụng trái phép để chiếm đoạt tài sản.
- 9.6. Bên B cam kết giữ bí mật toàn bộ các thông tin do Bên A cung cấp, bao gồm cả thông tin về chữ ký điện tử của Bên A và các thông tin liên quan đến giao dịch của Bên A, không sử dụng các thông tin do Bên A cung cấp cho các mục đích khác với mục đích của Thỏa thuận này. Bên B chỉ có thể cung cấp thông tin nhận được từ Bên A, thông tin về giao dịch của Bên A cho Bên thứ ba khi được sự cho phép của Bên A hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.
- 9.7. Các Bên phải chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật khi vi phạm về bảo mật thông tin.

Điều 10. Tiếp nhận và xử lý các trường hợp tra soát, khiếu nại trong sử dụng tài khoản thanh toán

- 10.1. Bên B có trách nhiệm tiếp nhận đề nghị tra soát, khiếu nại của Bên A trong quá trình sử dụng tài khoản thanh toán đảm bảo xác thực những thông tin cơ bản mà Bên A đã cung cấp cho Bên B.
- 10.2. Trường hợp tiếp nhận thông tin rà soát, khiếu nại tại quầy dịch vụ, Bên B cung cấp Giấy đề nghị tra soát, khiếu nại dịch vụ thanh toán để Bên A ghi các thông tin cần thiết theo quy định.
- 10.3. Trường hợp tiếp nhận thông tin tra soát, khiếu nại qua tổng đài điện thoại (có ghi âm), Bên

A phải bổ sung Giấy đề nghị tra soát, khiếu nại dịch vụ thanh toán (theo mẫu do Bên B quy định) trong thời hạn 24h (kể từ thời điểm Bên B tiếp nhận thông tin qua tổng đài điện thoại có ghi âm) làm căn cứ chính thức để xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại. Trường hợp trùng với ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ tết theo quy định của pháp luật Bên A thực hiện gửi bổ sung Giấy đề nghị tra soát, khiếu nại dịch vụ thanh toán vào ngày làm việc tiếp theo.

- 10.4.** Trường hợp tiếp nhận thông tin tra soát, khiếu nại qua kênh trực tuyến: Bên A lập yêu cầu tra soát, khiếu nại theo hướng dẫn trên hệ thống phần mềm của Bên B.
- 10.5.** Trường hợp Bên A ủy quyền cho người khác xuất trình đề nghị tra soát, khiếu nại, Bên B hướng dẫn khách hàng lập văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật về ủy quyền.
- 10.6.** Bên A được quyền đề nghị tra soát, khiếu nại không quá 60 ngày (bao gồm cả ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ tết theo quy định của pháp luật) kể từ thời điểm phát sinh giao dịch yêu cầu tra soát, khiếu nại.
- 10.7.** Thời hạn Bên B xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại: Tối đa 30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đề nghị tra soát, khiếu nại lần đầu của Bên B theo một trong các hình thức tiếp nhận quy định tại khoản 10.2, 10.3, 10.4 Điều này.
- 10.8.** Xử lý kết quả tra soát, khiếu nại
 - a.** Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo kết quả tra soát, khiếu nại cho Bên A, Bên B thực hiện bồi hoàn tổn thất cho Bên A theo thỏa thuận và quy định của pháp luật hiện hành đối với những tổn thất phát sinh không do lỗi của Bên A và hoặc không thuộc các trường hợp bất khả kháng, trở ngại khách quan theo quy định của pháp luật;
 - b.** Trường hợp hết thời hạn xử lý tra soát, khiếu nại được quy định tại khoản 10.7 Điều này mà vẫn chưa xác định được nguyên nhân hay lỗi thuộc bên nào thì trong vòng 15 ngày làm việc tiếp theo, Bên B thỏa thuận với Bên A về phương án xử lý, nếu không thỏa thuận được phương án xử lý thì việc giải quyết tranh chấp thực hiện theo quy định của pháp luật.
- 10.9.** Trường hợp vụ việc có dấu hiệu tội phạm:
 - a.** Bên B (chi nhánh) thực hiện thông báo cho Trụ sở chính (TSC) GPBank, đồng thời gửi báo cáo cho Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn và thông báo bằng văn bản cho Bên A về trình trạng xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại.
 - b.** Trụ sở chính chịu trách nhiệm xem xét và/hoặc gửi thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự đồng thời gửi báo cáo cho Ngân hàng nhà nước (Vụ Thanh toán, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng-Ngân hàng nhà nước).
 - c.** Việc xử lý kết quả tra soát, khiếu nại thuộc trách nhiệm giải quyết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo kết quả giải quyết không có yếu tố tội phạm, trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Trụ sở chính xem xét đưa ra phương án xử lý kết quả tra soát, khiếu nại, đồng thời thông báo kết quả cho Đơn vị tiếp nhận yêu cầu tra soát, khiếu nại của Bên A.
 - d.** Sau khi có kết quả tra soát, khiếu nại từ Trụ sở chính, Đơn vị thỏa thuận với Bên A về phương án xử lý kết quả tra soát, khiếu nại.
- 10.10.** Trường hợp Bên B, Bên A và các bên liên quan không thỏa thuận được và/hoặc không đồng ý với quá trình xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại thì việc giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Phong tỏa, chấm dứt phong tỏa tài khoản thanh toán

11.1. Phong tỏa

- a.** Bên B thực hiện phong tỏa một phần hoặc toàn bộ số tiền trên tài khoản thanh toán của Bên A trong các trường hợp sau:

- (i) Theo thỏa thuận giữa Bên A và Bên B hoặc theo yêu cầu của Bên A;
 - (ii) Khi có quyết định hoặc yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật;
 - (iii) Bên B phát hiện thấy có nhầm lẫn, sai sót khi ghi Có nhầm vào tài khoản thanh toán của Bên A hoặc theo yêu cầu hoàn trả lại tiền của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán chuyển tiền do có nhầm lẫn, sai sót so với lệnh thanh toán của bên chuyển tiền sau khi ghi có vào tài khoản thanh toán của Bên A. Số tiền phong tỏa trên tài khoản thanh toán không vượt quá số tiền bị nhầm lẫn, sai sót;
 - (iv) Khi có yêu cầu phong tỏa của một trong các chủ TKTT chung trừ trường hợp có thỏa thuận trước bằng văn bản giữa Bên B và các chủ TKTT chung;
 - (v) Khi Bên B phát hiện thấy có dấu hiệu nghi ngờ giả mạo, gian lận phát sinh trên TKTT của Bên A hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật/tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán thông báo cho Bên B về việc có dấu hiệu nghi ngờ giả mạo, gian lận phát sinh trên TKTT của Bên A tại Bên B, Bên B chủ động phong tỏa TKTT của Bên A cho đến khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật/ thông báo của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán/khi Bên B hoàn tất thủ tục xác minh khách hàng.
- b.** Ngay sau khi phong tỏa tài khoản thanh toán, Bên B phải thông báo bằng văn bản hoặc theo hình thức thông báo đã thỏa thuận tại Thỏa thuận mở và sử dụng TKTT giữa Bên B và Bên A cho Bên A hoặc người đại diện theo pháp luật của Bên A biết về lý do và phạm vi phong tỏa tài khoản thanh toán; số tiền bị phong tỏa trên tài khoản thanh toán sẽ được Bên B bảo toàn và kiểm soát chặt chẽ theo nội dung phong tỏa. Trường hợp tài khoản thanh toán bị phong tỏa một phần thì phần không bị phong tỏa vẫn được sử dụng bình thường.

11.1. Chấm dứt phong tỏa

Bên B chấm dứt phong tỏa tài khoản thanh toán của Bên A khi có một trong các điều kiện sau:

- a.** Theo thỏa thuận bằng văn bản giữa Bên A và Bên B;
- b.** Khi có quyết định chấm dứt phong tỏa của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
- c.** Đã xử lý xong sai sót, nhầm lẫn trong thanh toán chuyển tiền quy định tại tiết (iii), điểm a, khoản 11.1 Điều này;
- d.** Khi có yêu cầu chấm dứt phong tỏa của tất cả các chủ TKTT chung hoặc theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa bên B và bên A/các chủ TKTT chung;
- e.** Khi có kết luận của cơ quan Công an hoặc Tòa án về việc phát sinh giao dịch gian lận, giả mạo trên TKTT của Bên A, Bên B thực hiện chấm dứt phong tỏa theo thông báo của của cơ quan tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Đóng tài khoản thanh toán

12.1. Bên B thực hiện đóng tài khoản thanh toán của Bên A trong các trường hợp sau:

- a.** Trường hợp phát hiện khách hàng sử dụng giấy tờ giả, mạo danh để mở hoặc sử dụng tài khoản thanh toán cho mục đích lừa đảo, gian lận hoặc các hoạt động bất hợp pháp khác;
- b.** Có văn bản yêu cầu đóng tài khoản thanh toán của Bên A và Bên A đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến tài khoản thanh toán.
- c.** Bên A chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật;
- d.** Bên A vi phạm cam kết hoặc các thỏa thuận tại Thỏa thuận mở và sử dụng tài khoản thanh toán với Bên B;
- e.** Tài khoản thanh toán của bên A không duy trì đủ số dư tối thiểu theo quy định của Bên B đồng thời không hoạt động trong thời gian 01 năm và không còn nghĩa vụ trả nợ liên quan đến các khoản cấp tín dụng tại Bên B, Bên B thực hiện thông báo cho Bên A theo một trong

các phương thức văn bản, email/tin nhắn, điện thoại, website trước 01 tháng trước khi đóng tài khoản thanh toán;

- f. Bên A vi phạm hành vi bị cấm về TKTT quy định tại khoản 5, khoản 8 Điều 8 Nghị định 52/2024/NĐ-CP;
 - g. Các trường hợp theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa Bên A và Bên B;
 - h. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 12.2. Sau khi đóng tài khoản thanh toán, Bên B thông báo bằng một hoặc kết hợp nhiều phương thức thông báo sau: văn bản, email/tin nhắn, điện thoại, website,... cho Bên A.
- 12.3. Số dư còn lại sau khi đóng tài khoản thanh toán được xử lý như sau:
- a. Chi trả theo yêu cầu của Bên A;
 - b. Chi trả theo thỏa thuận trước giữa Bên A và Bên B;
 - c. Chi trả theo quyết định của tòa án/cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
 - d. Xử lý theo quy định của pháp luật đối với trường hợp người thụ hưởng hợp pháp số dư trên tài khoản thanh toán đã được thông báo mà không đến nhận;
 - e. Số dư còn lại của Bên A sau khi Bên B đã đóng tài khoản thanh toán, không được hưởng lãi suất tiền gửi (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác).

Điều 13 Thỏa thuận về xử lý dữ liệu cá nhân

- 13.1. Bên A xác nhận rằng Bên A đang kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân của các Chủ thể dữ liệu có dữ liệu cá nhân được Bên A cung cấp cho Bên B. Bên A đã được Bên B thông báo về quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân theo Nghị định 13/2023/NĐ-CP ngày 17/04/2023. Theo đó, Bên A đã đọc, đã hiểu và biết rõ về loại dữ liệu cá nhân được xử lý, mục đích xử lý dữ liệu; và các quyền, nghĩa vụ của chủ thể dữ liệu của mình (gồm cả dữ liệu cá nhân cơ bản và dữ liệu cá nhân nhạy cảm) sẽ được xử lý; các mục đích xử lý dữ liệu của Bên B đối với dữ liệu cá nhân của các Chủ thể dữ liệu; Các tổ chức, cá nhân được xử lý dữ liệu và; Các quyền, nghĩa vụ của chủ thể dữ liệu...
- 13.2. Bên A chịu trách nhiệm thực hiện mọi hành vi/hành động để đảm bảo và Bên A cam kết, xác nhận rằng: (1) Chủ thể dữ liệu đã biết rõ, biết đầy đủ về nội dung và chấp thuận đối với việc Bên A sẽ cung cấp dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu cho Bên B; (2) Chủ thể dữ liệu đồng ý cho Bên B được xử lý dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu với nhiều mục đích bao gồm tất cả các mục đích xử lý dữ liệu được liệt kê như sau:
- a. Để cung cấp các sản phẩm, dịch vụ của Bên B cho khách hàng: (i) Xác minh danh tính và bảo mật dữ liệu cá nhân của khách hàng; (ii) Cung cấp sản phẩm và dịch vụ, các chương trình khuyến mại, ưu đãi do Bên B cung cấp hoặc phối hợp với bên thứ ba cung cấp; (iii) Hiện thị nội dung của trang tin điện tử, ứng dụng, thiết bị và bất kỳ tùy chỉnh nào khách hàng có thể chọn; (iv) Thẩm định thông tin của khách hàng cung cấp để thực hiện cung cấp sản phẩm và dịch vụ khi khách hàng có yêu cầu hoặc Bên B đề xuất hoặc cung cấp hoặc phối hợp với bên thứ ba cung cấp.
 - b. Để thực hiện các nghĩa vụ trong hợp đồng, thỏa thuận và các văn bản ký kết giữa Bên B với khách hàng và chăm sóc khách hàng: (i) Làm cơ sở để đảm bảo cho việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của các Bên theo thỏa thuận và/hoặc các Hợp đồng, văn bản đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật; (ii) Liên hệ với khách hàng nhằm thông báo/trao đổi thông tin, các sao kê, các báo cáo có liên quan đến giao dịch và nhu cầu của khách hàng; (iii) Chăm sóc khách hàng, giải quyết khiếu nại, khởi kiện của Chủ thể dữ liệu.
 - b. Để hiểu về nhu cầu sử dụng sản phẩm, dịch vụ của khách hàng và cải thiện chất lượng cung ứng sản phẩm, dịch vụ của Bên B: (i) Dùng trong hoạt động quản lý và đánh giá các hoạt động kinh doanh bao gồm thiết kế, cải tiến và nâng cao chất lượng các sản phẩm, dịch vụ của Bên B hoặc thực hiện các hoạt động truyền thông tiếp thị; (ii) Tiến hành nghiên cứu thị

- trường, khảo sát và phân tích dữ liệu liên quan đến sản phẩm, dịch vụ nào của Bên B cung cấp tới khách hàng; (iii) Giám sát, đảm bảo an toàn giao dịch, hỗ trợ khách hàng kịp thời trong các tình huống khẩn cấp.
- c. Để điều hành hoạt động kinh doanh và quản trị rủi ro nội bộ của Bên B: (i) Để đảm bảo mục đích kinh doanh, hoạt động hợp pháp của Bên B trong những trường hợp mà Bên B cho là cần thiết, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc trao đổi thông tin với các nhà cung cấp/các bên cung cấp dịch vụ đối tác của Bên B để thực hiện dịch vụ cho khách hàng và hoạt động của Bên B; (ii) Lập các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động hoặc các loại báo cáo liên quan khác theo quy định pháp luật; (iii) Để đáp ứng, tuân thủ các chính sách, các quy định nội bộ của Bên B, các thủ tục và/hoặc bất kỳ quy tắc, quy định, hướng dẫn, chỉ thị hoặc yêu cầu được ban hành bởi Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật; (iv) Để đánh giá bất kỳ yêu cầu mua lại, tiến hành giao dịch mua lại, chuyển giao việc kinh doanh và/hoặc tài sản, chuyển giao hoặc chuyển nhượng quyền, lợi ích hoặc nghĩa vụ theo hợp đồng giữa khách hàng với Bên B; (v) Để tuân thủ quy định của pháp luật, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.
- d. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng/Chủ thể dữ liệu và Bên B: (i) Bảo vệ lợi ích hợp pháp của khách hàng và Bên B trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan; (ii) Cho mục đích được cho phép bởi bất kỳ luật, quy định, hướng dẫn và/hoặc các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- 13.3.** Bên A có trách nhiệm thu thập dữ liệu cá nhân của người đại diện hợp pháp, Kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán và/hoặc người được ủy quyền, chủ sở hữu hưởng lợi và các cá nhân liên quan khác và đồng ý cho Bên B được quyền sử dụng dữ liệu cá nhân của những người này để phục vụ cho các mục đích của Bên B được liệt kê tại Khoản 13.2 nêu trên.
- 13.4.** Bằng việc cung cấp dữ liệu cá nhân của một bên thứ ba (bao gồm nhưng không giới hạn ở thông tin của người có liên quan theo quy định pháp luật, người được ủy quyền, bên thụ hưởng, đối tác, người liên hệ trong các trường hợp khẩn cấp hoặc cá nhân khác của Bên A) cho Bên B, Bên A cam đoan, bảo đảm và chịu trách nhiệm rằng Bên A đã cung cấp thông tin đầy đủ và có được sự đồng ý/chấp thuận hợp pháp của bên thứ ba đó để Bên B xử lý các dữ liệu cá nhân cho các mục đích được nêu tại Khoản 13.2 trên. Bên A đồng ý rằng Bên B không có trách nhiệm phải thẩm định về tính hợp pháp, hợp lệ của sự đồng ý/chấp thuận này và việc lưu trữ bằng chứng chứng minh thuộc trách nhiệm của Bên A. Bên A chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc Bên B xử lý dữ liệu cá nhân của bên thứ ba mà Bên A cung cấp cho Bên B. Bên B được miễn trách và được yêu cầu bồi thường các thiệt hại, chi phí liên quan khi Bên A không thực hiện đúng nội dung quy định tại Khoản này.
- 13.5.** Trường hợp Chủ thể dữ liệu rút lại sự đồng ý, Bên A sẽ ngay lập tức thông báo cho Bên B để ngừng thực hiện việc kiểm soát, xử lý dữ liệu cá nhân và/hoặc rút lại sự đồng ý. Trường hợp Bên A chậm thông báo việc rút lại sự đồng ý và/hoặc ngừng thực hiện việc kiểm soát, xử lý dữ liệu cá nhân và/hoặc việc Bên A cung cấp dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu không phù hợp với quy định dẫn đến thiệt hại cho Bên B, Bên A sẽ chịu trách nhiệm bồi thường các thiệt hại mà Bên B phải gánh chịu.
- 13.6.** Sự đồng ý của Bên A tại Thỏa thuận này được bao hàm cả sự đồng ý với Điều khoản và điều kiện chung về bảo vệ, xử lý dữ liệu cá nhân của GPBank được đăng tải tại website: <https://www.gpbank.com.vn/>.
- 13.7.** Các Bên cùng thống nhất rằng Thông báo về điều khoản và điều kiện chung về bảo vệ, xử lý dữ liệu cá nhân của GPBank được đăng tải tại website: <https://www.gpbank.com.vn/> là một phần không tách rời của Hợp đồng này. Việc sửa đổi, bổ sung Thông báo về điều khoản và điều kiện chung về bảo vệ, xử lý dữ liệu cá nhân của GPBank và các Phụ lục của Thông báo

này (sẽ được đăng tải tại website: <https://www.gpbank.com.vn/> được coi là việc sửa đổi, bổ sung điều, khoản tương ứng của thỏa thuận về xử lý dữ liệu cá nhân tại Hợp đồng này.

Điều 14 Thỏa thuận khác

- 14.1.** Thỏa thuận mở và sử dụng tài khoản thanh toán này có hiệu lực kể từ ngày có hiệu lực của tài khoản thanh toán cho đến khi chấm dứt việc sử dụng tài khoản thanh toán của Bên A tại Bên B (do yêu cầu của Bên A/Bên B/Cơ quan có thẩm quyền hoặc các trường hợp khác theo yêu cầu của pháp luật).
- 14.2.** Việc sửa đổi các thông tin của tài khoản thanh toán (nếu có) được thực hiện trên cơ sở Giấy đề nghị thay đổi thông tin tài khoản thanh toán do Bên A cung cấp cho Bên B theo mẫu quy định của Bên B.
- 14.3.** Mọi sửa đổi, bổ sung Thỏa thuận này phải được lập thành văn bản và có xác nhận hợp lệ của Các Bên.
- 14.4.** Sau khi tài khoản thanh toán của Bên A đóng theo yêu cầu của Bên A/bên B hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, số hiệu tài khoản thanh toán của Bên A đã đóng thuộc quyền sở hữu của Bên B, trường hợp Bên A muốn sử dụng tài khoản thanh toán phải làm thủ tục mở tài khoản thanh toán theo quy định của Bên B và quy định của pháp luật hiện hành.
- 14.5.** Các Bên xác nhận rằng đã đọc, hiểu rõ, đồng ý với các nội dung trong bản Thỏa thuận này, cam kết thực hiện đúng các nội dung trong Thỏa thuận, các quy định khác có liên quan của Bên B và quy định hiện hành của pháp luật. Trong trường hợp sự kiện bất khả kháng xảy ra, các bên được miễn trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật⁸.
- 14.6.** Thỏa thuận này được lập và điều chỉnh theo quy định của pháp luật Việt Nam. Trong quá trình thực hiện Thỏa thuận, nếu phát sinh tranh chấp các Bên sẽ ưu tiên giải quyết thông qua thương lượng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Trường hợp thương lượng không thành thì một trong các Bên có quyền đưa tranh chấp đó ra tòa án có thẩm quyền để giải quyết.

Thỏa thuận này gồm.....trang, được lập thành hai (02) bản, mỗi Bên giữ 01 (một) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau để thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

ĐẠI DIỆN BÊN B⁹

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

⁸**Sự kiện bất khả kháng:** là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, bao gồm nhưng không giới hạn như hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, bão hoặc sự kiện tự nhiên khác; đình công hoặc tranh chấp lao động khác; chiến tranh, khởi nghĩa, khủng bố hoặc bạo loạn; thay đổi Pháp Luật hoặc bất kỳ lệnh nào của bất kỳ Cơ quan có thẩm quyền nào; bất kỳ hư hỏng, tình trạng gián đoạn hoặc sự cố bị nhiễu nào của hệ thống viễn thông, nguồn cấp điện và các hệ thống phụ trợ khác; bất kỳ sự cố kỹ thuật, tình trạng gián đoạn hoặc sự cố bị nhiễu nào của bất kỳ hệ thống máy tính hay thiết bị nào hoặc của bất kỳ phương thức giao dịch nào (dù do phần cứng hay phần mềm gây ra); và bất kỳ hư hỏng, tình trạng gián đoạn hoặc sự cố bị nhiễu nào của bất kỳ dịch vụ nào do GPBank hoặc bất kỳ bên thứ ba hay hệ thống của bên thứ ba nào cung cấp.

⁹ Là Giám đốc Chi nhánh/PGD Trung tâm hoặc người được ủy quyền tại trụ sở Chi nhánh hoặc Trưởng Phòng giao dịch hoặc người được ủy quyền.